

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 9 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Tổ **, ấp **, xã TH, huyện CB, tỉnh TG.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Lương H, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Phan Thị L là nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Lương H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2008, chị L và anh H quen biết, tự tìm hiểu với nhau, tháng 12 năm 2009, chị L và anh H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình vào ngày 07/12/2009. Hôn nhân của chị L và anh H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 5 năm 2012, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh H không chăm lo gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2012 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Nay, chị Phan Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Lương H.

Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung tên Nguyễn Lương T, sinh ngày 17/01/2008 và Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 24/4/2010. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với anh H. Sau khi ly hôn, chị L đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lương T, Nguyễn Thị Kiều V, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Lương H không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Giấy khai sinh của Nguyễn Lương T và Nguyễn Thị Kiều V (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Lương H cư trú tại Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Lương H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Lương H.

Xét thấy, chị L và anh H kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 07/12/2009, là hôn nhân hợp pháp, được

pháp luật công nhận.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống và mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Chị L và anh H ly thân từ năm 2012 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, tại phiên tòa chị L xác định, giữa chị và anh H không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Phan Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Lương H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L đồng ý để anh H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lương T, sinh ngày 17/01/2008 và Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 24/4/2010.

Xét thấy, chị L xác định, hiện nay anh H là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Lương T và Kiều V. Do đó, để tránh thay đổi môi trường sống và đảm bảo cho cháu Lương T và cháu Kiều V có sự phát triển cả về vật chất và tinh thần. Vì vậy, chị L đồng ý giao con chung là Lương T và Kiều V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, chị L và anh H có quyền, nghĩa vụ trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị L lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị L theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định, không yêu cầu giải quyết; anh H không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều

271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L.

- *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Lương H.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Lương T, sinh ngày 17/01/2008 và Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 24/4/2010 cho anh Nguyễn Lương H trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L và anh H có quyền, nghĩa trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án, số: 0010069 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị L đã nộp đủ tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT (Số 96/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên